

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2023
V/v: Tranh chấp về thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau
khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Khánh và ông Trần Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/1998 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Đầu năm 2020 anh M làm đơn ly hôn và đến ngày 28/02/2020 chị và anh M đã được Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang công nhận thuận tình ly hôn.

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2020, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh

Bắc Giang đã giao cho chị được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 07/5/2016 và giao cho anh M được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 14/10/2012.

Sau ly hôn chị và cháu L sống ở Bắc Giang; anh M và cháu Hoàng sống ở xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam. Tháng 5/2022 chị về nhà anh M xin phép anh cho đón cháu H về Bắc Giang chơi. Trong quá trình cháu H sinh sống với chị thì cháu có nguyện vọng ở với chị và em gái. Chị điện thoại nói chuyện với anh M về việc cho chị là người trực tiếp nuôi cháu H, nhưng anh M không đồng ý.

Nay chị xác định: Chị đã xin cho cháu H học tại Trường tiểu học H tại xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; đồng thời cháu H có nguyện vọng ở với mẹ và em gái do vậy chị đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi cháu H từ anh M sang cho chị. Về cấp dưỡng nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng.

Chị trình bày do điều kiện ở xa và do yêu cầu của công việc nên không về tham gia tố tụng được, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Văn M trình bày: Ngày 28/02/2020 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2020/QĐST-HNGĐ với nội dung xử cho anh và chị Nguyễn Thị Q ly hôn. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của anh chị; giao chị Q nuôi cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 07/5/2016; giao anh nuôi cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 14/10/2012.

Nay chị Q khởi kiện đề nghị Tòa án giao cho chị Q được trực tiếp nuôi cháu H, anh không nhất trí vì:

Thứ nhất chị Q lừa anh. Sau khi ly hôn thì cháu H vẫn ăn ở với anh và học Trường tiểu học xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam. Khoảng đầu tháng 4/2022 âm lịch anh có lên chỗ chị Q ở xin đón cháu L về nhà anh ở xã L, huyện B chơi. Đến ngày 22/4/2022 âm lịch chị Q về đón cháu L thì chị Q có xin anh đón cháu H đi cùng để cho anh em chơi với nhau; anh đồng ý. Sau khi đón được cháu H đi thì chị Q không cho cháu về ở cùng với anh. Anh đã nhiều lần lên L gặp chị Q để đón cháu H về ở thì chị Q không cho anh gặp cháu H, đồng thời chị Q làm đơn ra Tòa án xin thay đổi quyền nuôi con.

Thứ hai: Về điều kiện nuôi con, chị Q làm công nhân và ở nhà thuê; một mình chị Q không đủ điều kiện về thu nhập để nuôi cả 02 con là cháu H, cháu L. Bản thân anh làm nghề cơ khí tự do thu nhập bình quân khoảng 7-8 triệu đồng/tháng; chỗ ở của anh ở xã L là nhà mái bằng diện tích 60m² trên diện tích đất 320m²; bản thân anh từ khi ly hôn chị Q đến khi chị Q lừa anh đón cháu H đi thì anh vẫn nuôi cháu H đang hoàng.

Thứ ba: Chị Q luôn xui cháu H gọi điện về cho anh nói việc không muốn ở với anh. Việc làm này của chị Q đã làm cháu H suy nghĩ không tốt về anh. Bản

thân khi cháu H trình bày quan điểm muốn ở với chị Q thì không có mặt của anh; do cháu H còn bé và đang ở với chị Q thì chị Q nói gì cháu cũng nghe. Nếu cháu H ở với anh thì khi cháu H trình bày quan điểm cháu cũng sẽ nói muốn ở với anh. Bản thân từ khi ly hôn đến nay cháu H học tại Trường tiểu học xã L luôn đạt kết quả tốt. Chính việc chị Q xin thay đổi quyền nuôi con mới là nguyên nhân gây khó khăn cho cháu H khi nhập học năm học 2022-2023.

[3] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 14/10/2012 của chị Nguyễn Thị Q.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”; bị đơn - anh Nguyễn Văn M đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét chị Quyên đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh M mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Q, anh M là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] **Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi cháu** Nguyễn Việt H, sinh ngày 14/10/2012 của chị Nguyễn Thị Q; Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ vì:

- Việc cháu H hiện đang ở với chị Q không được sự đồng thuận của anh M. Chị Q chuyển trường cho cháu H học tại Trường tiểu học H tại xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang là tự ý của chị Q và nhằm gây sức ép cho anh M để anh M đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi cháu H cho chị Q.

- Tại buổi làm việc với Tòa án; chính quyền xã L và thôn Đ, xã L đều xác định: Từ khi ly hôn cho đến khi chị Q đón cháu H thì anh M vẫn cho cháu H ăn học, sinh hoạt và phát triển bình thường. Anh M hiện có sức khỏe, có nghề nghiệp ổn định cho thu nhập, điều kiện ăn ở, học tập để nuôi cháu H đều đảm bảo.

- Sau khi đón được cháu H về ở cùng, chị Q đã có những hành động và việc làm ngăn cản anh M gặp gỡ cháu H.

Từ phân tích trên; Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q về việc đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 14/10/2012 sau khi ly hôn từ anh Nguyễn Văn M sang cho chị Nguyễn Thị Q.

[2] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Q phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 14/10/2012 sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang theo biên lai số 0013066 ngày 09/8/2022 thành án phí dân sự sơ thẩm mà chị Q phải chịu. (*Chị Q đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Q biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Báo cho anh M biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L, huyện B;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh Bắc

Giang;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)